

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT PHÙNG KHẮC KHOAN - THẠCH THẮT

KẾT QUẢ THI HSG KHỐI 10, 11 NĂM HỌC 2019-2020

**Ghi chú: HS có nguyện vọng phúc khảo bài thi cần làm đơn theo mẫu,
gửi về phòng Văn thư hoặc Thầy Quang, cô Minh (muộn nhất 17h00 28/5/2020)**

T T	SBD	Họ tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi	Điểm	Ghi chú
1	TO1101	Nguyễn Hoàng Hà	Anh	11A12	Nữ	22-09-2003	P4	Toán11	15.5	
3	TO1102	Nguyễn Lan	Anh	11A8	Nữ	10-09-2003	P4	Toán11	8.5	
4	TO1103	Nguyễn Khánh	Cường	11A13	Nam	20-07-2003	P4	Toán11	11.5	
5	TO1104	Tạ Phương	Doanh	11A12	Nữ	18-07-2003	P4	Toán11	6.0	
6	TO1105	Khương Thùy	Dung	11A5	Nữ	30-11-2003	P4	Toán11	8.0	
7	TO1106	Phan Thị Bích	Dung	11A12	Nữ	22-07-2003	P4	Toán11	13.0	
8	TO1107	Nguyễn Văn	Đạt	11A12	Nam	15-02-2003	P4	Toán11	11.0	
9	TO1108	Đặng Trung	Đô	11A12	Nam	30-05-2003	P4	Toán11	17.0	
10	TO1109	Nguyễn Anh	Đức	11A8	Nam	01-11-2003	P4	Toán11	5.0	
11	TO1110	Phan Thị	Hạnh	11A8	Nữ	02-10-2003	P4	Toán11	13.5	
12	TO1111	Chu Quang	Hiếu	11A7	Nam	25-11-2003	P4	Toán11	15.0	
13	TO1112	Nguyễn Nam	Khánh	11A12	Nam	17-06-2003	P4	Toán11	9.5	
14	TO1113	Nguyễn Thanh	Loan	11A12	Nữ	30-08-2003	P4	Toán11	16.0	
15	TO1114	Nguyễn Khắc	Long	11A8	Nam	06-07-2003	P4	Toán11	5.0	
16	TO1115	Nghiêm Đỗ Khánh	Ly	11A4	Nữ	27-11-2003	P4	Toán11		
17	TO1116	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	11A5	Nữ	07-10-2003	P4	Toán11	12.0	
18	TO1117	Nguyễn Bích	Ngọc	11A12	Nữ	22-12-2003	P4	Toán11	10.5	
19	TO1118	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	11A12	Nữ	01-09-2003	P4	Toán11	10.0	
20	TO1119	Nguyễn Thị	Phương	11A1	Nữ	14-07-2003	P4	Toán11	3.5	
21	TO1120	Nguyễn Thị Mai	Phương	11A5	Nữ	17-07-2003	P4	Toán11		
22	TO1121	Nguyễn Phương	Thảo	11A8	Nữ	24-07-2003	P4	Toán11	16.5	
23	TO1122	Đỗ Duy	Tiến	11A8	Nam	15-03-2003	P4	Toán11	12.0	
24	TO1123	Kiều Việt	Tiến	11A4	Nam	14-11-2003	P4	Toán11	10.5	
25	TO1124	Phan Văn	Trường	11A6	Nam	11-06-2003	P4	Toán11	12.0	
1	TO1001	Đỗ Thị Lan	Anh	10A8	Nữ	10-11-2004	P5	Toán10	12.0	
2	TO1002	Đỗ Việt	Anh	10A8	Nam	22-09-2004	P5	Toán10	12.0	
3	TO1003	Nguyễn Nam	Anh	10A8	Nam	18-02-2004	P5	Toán10	13.0	
4	TO1004	Nguyễn Ngọc	Anh	10A8	Nữ	02-04-2004	P5	Toán10	15.0	
5	TO1005	Nguyễn Thị Lan	Anh	10A12	Nữ	07-01-2004	P5	Toán10	11.0	
6	TO1006	Nguyễn Thị Minh	Anh	10A12	Nữ	10-02-2004	P5	Toán10	16.0	
7	TO1007	Nguyễn Thị Phương	Anh	10A8	Nữ	15-10-2004	P5	Toán10	15.5	
8	TO1008	Nguyễn Tuấn	Anh	10A8	Nam	22-08-2004	P5	Toán10	11.0	

T T	SBD	Họ tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi	Điểm	Ghi chú
9	TO1009	Nguyễn Duy Đăng	Bảng	10A12	Nam	14-12-2004	P5	Toán10	14.0	
10	TO1010	Vũ Thị	Bích	10A8	Nữ	01-01-2004	P5	Toán10	15.0	
11	TO1011	Nguyễn Duy	Chính	10A8	Nam	03-11-2004	P5	Toán10	8.0	
12	TO1012	Đặng Quang	Duy	10A12	Nam	06-03-2004	P5	Toán10	6.0	
13	TO1013	Kiều Huy	Đạt	10A8	Nam	14-04-2004	P5	Toán10	3.0	
14	TO1014	Nguyễn Quốc	Đạt	10A12	Nam	08-08-2004	P5	Toán10	9.0	
15	TO1015	Nguyễn Tất	Đạt	10A6	Nam	18-06-2004	P5	Toán10	6.0	
16	TO1016	Phùng Đức	Đăng	10A8	Nam	25-08-2004	P5	Toán10	11.0	
17	TO1017	Phan Gia	Đô	10A12	Nam	11-07-2004	P5	Toán10	3.0	
18	TO1018	Nguyễn Thị Thu	Giang	10A12	Nữ	15-02-2004	P5	Toán10	9.0	
19	TO1019	Cần Quang	Hiên	10A6	Nam	13-05-2004	P5	Toán10	3.0	
20	TO1020	Phan Việt	Hoàng	10A9	Nam	13-07-2004	P5	Toán10	7.0	
21	TO1021	Nguyễn Đăng	Khoa	10A8	Nam	11-01-2004	P6	Toán10	7.0	
22	TO1022	Vũ Hữu	Khoa	10A12	Nam	19-05-2004	P6	Toán10	10.0	
23	TO1023	Chu Anh	Kiên	10A6	Nam	19-07-2004	P6	Toán10	6.0	
24	TO1024	Đỗ Hữu	Kiên	10A12	Nam	07-02-2004	P6	Toán10	13.0	
25	TO1025	Nguyễn Trung	Kiên	10A12	Nam	24-12-2004	P6	Toán10	15.0	
26	TO1026	Nguyễn Thị	Linh	10A7	Nữ	30-07-2004	P6	Toán10	7.0	
27	TO1027	Phan Nhật	Linh	10A8	Nữ	14-10-2004	P6	Toán10	13.0	
28	TO1028	Vũ Thùy	Linh	10A9	Nữ	27-07-2004	P6	Toán10	9.0	
29	TO1029	Kiều Thị	Loan	10A6	Nữ	18-01-2004	P6	Toán10	3.0	
30	TO1030	Chu Văn	Long	10A3	Nam	03-12-2004	P6	Toán10	9.0	
31	TO1031	Nguyễn Đức	Lương	10A8	Nam	22-01-2004	P6	Toán10	12.5	
32	TO1032	Nguyễn Hương	Ly	10A5	Nữ	22-08-2004	P6	Toán10	15.0	
33	TO1033	Nguyễn Thị Hương	Ly	10A8	Nữ	16-03-2004	P6	Toán10	11.0	
34	TO1034	Phí Đình	Mạnh	10A12	Nam	28-11-2004	P6	Toán10	10.0	
35	TO1035	Lê Văn	Minh	10A12	Nam	03-12-2004	P6	Toán10	12.0	
36	TO1036	Nguyễn Thị Trà	My	10A12	Nữ	20-01-2004	P6	Toán10	6.0	
37	TO1037	Phan Duyên	Ngân	10A7	Nữ	13-11-2004	P6	Toán10	9.0	
38	TO1038	Nguyễn Bích	Ngọc	10A7	Nữ	06-09-2004	P6	Toán10	9.0	
39	TO1039	Nguyễn Minh	Ngọc	10A12	Nữ	27-10-2004	P6	Toán10	7.0	
40	TO1040	Tạ Kim	Oanh	10A8	Nữ	04-01-2004	P6	Toán10	11.5	
41	TO1041	Nguyễn Ngọc	Phương	10A12	Nam	16-06-2004	P6	Toán10	6.0	
42	TO1042	Phùng Minh	Phương	10A12	Nữ	05-04-2004	P7	Toán10	10.0	
43	TO1043	Phan Lạc	Quang	10A8	Nam	15-08-2004	P7	Toán10	14.0	
44	TO1044	Đỗ Đàm	Quân	10A12	Nam	08-12-2004	P7	Toán10	12.0	

T T	SBD	Họ tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi	Điểm	Ghi chú
45	TO1045	Nguyễn Đình	Quyền	10A12	Nam	01-09-2004	P7	Toán10	14.0	
46	TO1046	Nguyễn Lương	Quyền	10A6	Nam	16-11-2004	P7	Toán10	10.0	
47	TO1047	Phan Thị	Quỳnh	10A5	Nữ	21-01-2004	P7	Toán10	13.0	
48	TO1048	Nguyễn Đình	Thành	10A8	Nam	28-06-2004	P7	Toán10	18.0	
49	TO1049	Nguyễn Hữu	Thành	10A8	Nam	14-01-2004	P7	Toán10	18.0	
50	TO1050	Vũ Lê Anh	Thư	10A8	Nữ	01-03-2004	P7	Toán10	18.0	
51	TO1051	Nguyễn Trọng	Tiến	10A8	Nam	06-11-2004	P7	Toán10	14.0	
52	TO1052	Nguyễn Đức	Trung	10A12	Nam	14-11-2004	P7	Toán10	6.0	
53	TO1053	Đỗ Văn	Trường	10A8	Nam	02-03-2004	P7	Toán10	13.0	
54	TO1054	Chu Quốc	Tuấn	10A8	Nam	28-07-2004	P7	Toán10	15.0	
55	TO1055	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	10A12	Nữ	15-09-2004	P7	Toán10	16.0	
56	TO1056	Kiều Anh	Tú	10A7	Nam	17-11-2004	P7	Toán10	10.0	
57	TO1057	Nguyễn Mỹ	Vân	10A12	Nữ	17-02-2004	P7	Toán10	10.0	
58	TO1058	Cần Hà	Vi	10A12	Nữ	13-05-2004	P7	Toán10	15.0	
59	TO1059	Nguyễn Quốc	Việt	10A8	Nam	29-08-2004	P7	Toán10	8.0	
60	TO1060	Phan Văn Hoàng	Việt	10A5	Nam	29-10-2004	P7	Toán10	7.0	
61	TO1061	Vũ Thị	Trà	10A12	Nữ	18-07-2004	P7	Toán10	12.0	
62	TO1999	Nguyễn Trung	Kiên	10A6	Nam	07-02-2004	P7	Toán10	7.0	
1	LS1101	Nguyễn Mai	Anh	11A8	Nữ	19-02-2003	P2	Sử11	12.8	
2	LS1102	Nguyễn Tuyết	Anh	11A8	Nữ	06-10-2003	P2	Sử11	7.8	
3	LS1103	Phan Thị Ngọc	Ánh	11A8	Nữ	05-12-2003	P2	Sử11	10.0	
4	LS1104	Phan Thị Thuỳ	Dung	11A1	Nữ	26-07-2003	P2	Sử11	7.0	
5	LS1105	Nguyễn Vũ	Duy	11A8	Nam	16-07-2003	P2	Sử11	9.5	
6	LS1106	Nguyễn Xuân	Dương	11A8	Nam	29-09-2003	P2	Sử11	9.5	
7	LS1107	Phan Thị Thuỳ	Dương	11A9	Nữ	14-10-2003	P2	Sử11	15.0	
8	LS1108	Cần Thị	Hằng	11A8	Nữ	12-01-2003	P2	Sử11	11.0	
9	LS1109	Đặng Trung	Huy	11A8	Nam	29-04-2003	P2	Sử11	3.5	
10	LS1110	Kiều Thị Lan	Hương	11A5	Nữ	13-09-2003	P2	Sử11	17.0	
11	LS1111	Lê Trung	Kiên	11A8	Nam	15-03-2003	P2	Sử11	9.5	
12	LS1112	Phí Ngọc	Mai	11A8	Nữ	07-09-2003	P2	Sử11	14.0	
13	LS1113	Lê Thị	Nhàn	11A8	Nữ	28-02-2003	P2	Sử11	9.0	
14	LS1114	Lê Thị Hồng	Nhung	11A8	Nữ	30-04-2003	P2	Sử11	6.5	
15	LS1115	Phí Thị Thảo	Ny	11A6	Nữ	25-02-2003	P2	Sử11	11.0	
16	LS1116	Đỗ Thế	Phong	11A8	Nam	11-10-2003	P2	Sử11	3.0	
17	LS1117	Nguyễn Trần Thùy	Phương	11A14	Nữ	05-04-2003	P2	Sử11	14.0	
18	LS1118	Nguyễn Đức	Quang	11A8	Nam	24-05-2003	P2	Sử11	3.0	

T T	SBD	Họ tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi	Điểm	Ghi chú
19	LS1119	Cần Xuân	Quyền	11A8	Nam	25-04-2003	P2	Sử11		
20	LS1120	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11A8	Nữ	29-07-2003	P2	Sử11	8.5	
21	LS1121	Phùng Như	Quỳnh	11A5	Nữ	24-11-2003	P2	Sử11	15.8	
22	LS1122	Kiều Văn	Thật	11A8	Nam	01-11-2003	P2	Sử11	8.0	
23	LS1123	Kiều Thị	Trang	11A9	Nữ	04-09-2003	P2	Sử11	8.5	
24	LS1124	Nguyễn Huyền	Trang	11A8	Nữ	20-11-2003	P2	Sử11	9.5	
25	LS1125	Nguyễn Hồng	Trà	11A8	Nữ	28-02-2003	P3	Sử11	6.5	
26	LS1126	Chu Quang	Trung	11A8	Nam	02-07-2003	P3	Sử11	10.8	
27	LS1127	Đỗ Quang	Trường	11A5	Nam	18-05-2003	P3	Sử11	13.5	
28	LS1128	Nguyễn Huy	Tuyển	11A12	Nam	22-11-2003	P3	Sử11	7.0	
1	LS1129	Vương Thị Hải	Anh	10A7	Nữ	21-03-2004	P3	Sử10	9.5	
2	LS1130	Nguyễn Thị Minh	Ánh	10A14	Nữ	22-12-2004	P3	Sử10	8.0	
3	LS1131	Đặng Thị	Cúc	10A12	Nữ	27-06-2004	P3	Sử10	17.0	
4	LS1132	Nguyễn Thùy	Dung	10A6	Nữ	12-11-2004	P3	Sử10	13.5	
5	LS1133	Cần Văn	Dương	10A7	Nam	24-03-2004	P3	Sử10	9.0	
6	LS1134	Nguyễn Tùng	Dương	10A6	Nam	25-05-2004	P3	Sử10	8.0	
7	LS1135	Đặng Thị Linh	Giang	10A8	Nữ	16-06-2004	P3	Sử10	10.0	
8	LS1136	Đỗ Thanh	Hà	10A5	Nữ	05-05-2004	P3	Sử10	7.0	
9	LS1137	Nguyễn Thị Thanh	Hảo	10A8	Nữ	13-08-2004	P3	Sử10	6.5	
10	LS1138	Nguyễn Thu	Hiền	10A10	Nữ	22-09-2004	P3	Sử10	7.0	
11	LS1139	Phan Thanh	Huyền	10A5	Nữ	12-08-2004	P3	Sử10	10.5	
12	LS1140	Nguyễn Thị Thu	Hương	10A11	Nữ	30-10-2004	P3	Sử10	8.5	
13	LS1141	Kiều Khánh	Linh	10A7	Nữ	03-07-2004	P3	Sử10		
14	LS1142	Vương Thùy	Linh	10A1	Nữ	06-08-2004	P3	Sử10	12.0	
15	LS1143	Đỗ Thị	Loan	10A11	Nữ	03-10-2004	P3	Sử10	8.0	
16	LS1144	Đỗ Minh	Quyền	10A12	Nam	05-10-2004	P3	Sử10	12.0	
17	LS1145	Nguyễn Thành	Thái	10A6	Nam	29-10-2004	P3	Sử10	3.0	
18	LS1146	Nguyễn Mạnh	Tiến	10A8	Nam	09-09-2004	P3	Sử10	13.0	
19	LS1147	Đỗ Thị Tường	Vi	10A5	Nữ	16-08-2004	P3	Sử10	8.5	
20	LS1148	Nguyễn Quốc	Việt	10A6	Nam	05-02-2004	P3	Sử10	5.5	
21	LS1149	Nguyễn Thị Huyền	Anh	10A5	Nữ	14-11-2004	P3	Sử10	11.0	
22	LS1150	Nguyễn Anh	Tuấn	10A5	Nam	12-08-2004	P3	Sử10	2.0	
1	NN1101	Cần Thu	An	11A8	Nữ	24-10-2003	P11	Ngoại Ngữ11	10.0	
2	NN1102	Chu Phương	Anh	11A5	Nữ	24-10-2003	P11	Ngoại ngữ11	7.8	
3	NN1103	Kiều Vân	Anh	11A5	Nữ	09-03-2003	P11	Ngoại ngữ11	6.2	
4	NN1104	Nguyễn Minh	Anh	11A5	Nữ	30-10-2003	P11	Ngoại ngữ11	5.6	

T T	SBD	Họ tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi	Điểm	Ghi chú
5	NN1105	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	11A5	Nữ	20-10-2003	P11	Ngoại ngữ 11	11.0	
6	NN1106	Nguyễn Thị Vân	Anh	11A5	Nữ	21-04-2003	P11	Ngoại ngữ 11	12.8	
7	NN1107	Nguyễn Thị Vân	Anh	11A5	Nữ	04-12-2003	P11	Ngoại ngữ 11	6.8	
8	NN1108	Phan Phương	Anh	11A5	Nữ	27-10-2003	P11	Ngoại ngữ 11	11.4	
9	NN1109	Nguyễn Trần Nhật	Ánh	11A5	Nữ	30-11-2003	P11	Ngoại ngữ 11	8.8	
10	NN1110	Bùi Ngọc	Bình	11A8	Nam	02-05-2003	P11	Ngoại Ngữ 11	5.6	
11	NN1111	La Ngọc	Diệp	11A5	Nữ	21-03-2003	P11	Ngoại ngữ 11	4.6	
12	NN1112	Nguyễn Thùy	Dương	11A8	Nữ	06-08-2003	P11	Ngoại Ngữ 11	6.6	
13	NN1113	Nguyễn Tuấn	Đồng	11A6	Nam	19-07-2003	P11	Ngoại ngữ 11	4.8	
14	NN1114	Cần Vĩnh	Giang	11A12	Nam	12-12-2003	P11	Ngoại ngữ 11	11.2	
15	NN1115	Nguyễn Trường	Giang	11A5	Nam	21-10-2003	P11	Ngoại ngữ 11	6.4	
16	NN1116	Đặng Thị	Hằng	11A12	Nữ	28-12-2003	P11	Ngoại ngữ 11	7.6	
17	NN1117	Phạm Mai	Hồng	11A12	Nữ	24-08-2003	P11	Ngoại ngữ 11	10.0	
18	NN1118	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	11A5	Nữ	03-02-2003	P11	Ngoại ngữ 11	16.2	
19	NN1119	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	11A12	Nữ	13-04-2003	P11	Ngoại ngữ 11	13.4	
20	NN1120	Phan Xuân	Huyền	11A11	Nữ	25-02-2003	P11	Ngoại ngữ 11	10.0	
21	NN1121	Nguyễn Mai	Hương	11A8	Nữ	27-09-2003	P11	Ngoại Ngữ 11	10.0	
22	NN1122	Nguyễn Thị	Hương	11A12	Nữ	23-05-2003	P11	Ngoại ngữ 11	6.0	
23	NN1123	Nguyễn Thị Mai	Hương	11A8	Nữ	11-04-2003	P11	Ngoại Ngữ 11	12.6	
24	NN1124	Nguyễn Thị Khánh	Linh	11A5	Nữ	14-04-2003	P11	Ngoại ngữ 11	8.6	
25	NN1125	Nguyễn Thị Khánh	Linh	11A5	Nữ	13-10-2003	P11	Ngoại ngữ 11	6.6	
26	NN1126	Nguyễn Thùy	Linh	11A5	Nữ	22-12-2003	P11	Ngoại ngữ 11	5.2	
27	NN1127	Nguyễn Phúc	Long	11A12	Nam	25-10-2003	P11	Ngoại ngữ 11	3.4	
28	NN11999	Nguyễn Phương	Linh	11a12	Nữ	22-12-2003	P11	Ngoại ngữ 11	3.8	
29	NN1128	Đặng Thị Thanh	Mai	11A8	Nữ	02-07-2003	P12	Ngoại Ngữ 11	7.0	
30	NN1129	La Thị Quỳnh	Mai	11A5	Nữ	27-07-2003	P12	Ngoại ngữ 11	10.0	
31	NN1130	Phùng Thị Thanh	Nga	11A12	Nữ	14-09-2003	P12	Ngoại ngữ 11	3.0	
32	NN1131	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	11A12	Nữ	05-08-2003	P12	Ngoại ngữ 11	17.8	
33	NN1132	Chu Lâm	Nhi	11A9	Nữ	14-11-2003	P12	Ngoại ngữ 11	10.0	
34	NN1133	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	11A12	Nữ	16-11-2003	P12	Ngoại ngữ 11	12.0	
35	NN1134	Đỗ Thị Phương	Oanh	11A12	Nữ	12-08-2003	P12	Ngoại ngữ 11	8.0	
36	NN1135	Nguyễn Duy	Phan	11A12	Nam	02-07-2003	P12	Ngoại ngữ 11	4.4	
37	NN1136	Nguyễn Bích	Phương	11A5	Nữ	25-10-2003	P12	Ngoại ngữ 11	6.0	
38	NN1137	Phan Thị Thanh	Phương	11A12	Nữ	05-11-2003	P12	Ngoại ngữ 11	8.6	
39	NN1138	Chu Hạnh	Quỳnh	11A9	Nữ	25-03-2003	P12	Ngoại ngữ 11	8.0	
40	NN1139	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11A12	Nữ	03-11-2003	P12	Ngoại ngữ 11	3.4	

T T	SBD	Họ tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi	Điểm	Ghi chú
41	NN1140	Kiều Lê Thu	Thảo	11A5	Nữ	28-09-2003	P12	Ngoại ngữ 11	5.2	
42	NN1141	Vũ Thị Kim	Thoa	11A11	Nữ	14-03-2003	P12	Ngoại ngữ 11	15.2	
43	NN1142	Nguyễn Thị Việt	Thư	11A5	Nữ	30-03-2003	P12	Ngoại ngữ 11	12.0	
44	NN1143	Cần Hoài	Thương	11A8	Nữ	10-08-2003	P12	Ngoại Ngữ 11	13.0	
45	NN1144	Đỗ Thị Thuý	Trang	11A5	Nữ	02-03-2003	P12	Ngoại ngữ 11	7.6	
46	NN1145	Đỗ Thị Thùy	Trang	11A12	Nữ	05-08-2003	P12	Ngoại ngữ 11	4.2	
47	NN1146	Nguyễn Phương	Trang	11A12	Nữ	12-07-2003	P12	Ngoại ngữ 11	7.0	
48	NN1147	Phạm Thu	Trang	11A8	Nữ	29-08-2003	P12	Ngoại Ngữ 11	10.8	
49	NN1148	Phùng Thị Phương	Trang	11A5	Nữ	29-11-2003	P12	Ngoại ngữ 11	9.0	
50	NN1149	Đỗ Sơn	Trà	11A12	Nam	27-07-2003	P12	Ngoại ngữ 11	5.6	
51	NN1150	Phan Ích	Tú	11A12	Nam	06-08-2003	P12	Ngoại ngữ 11	5.4	
52	NN1151	Phí Thảo	Vân	11A5	Nữ	02-04-2003	P12	Ngoại ngữ 11		
53	NN1152	Lê Anh	Việt	11A12	Nam	06-07-2003	P12	Ngoại ngữ 11	4.4	
54	NN1153	Chu Thị Bảo	Yến	11A12	Nữ	20-08-2003	P12	Ngoại ngữ 11	10.6	
55	NN1154	Nguyễn Thị Hải	Yến	11A5	Nữ	01-03-2003	P12	Ngoại ngữ 11	10.0	
1	NN1001	Nguyễn Phước Hoài	An	10A13	Nam	07-09-2004	P8	Ngoại ngữ 10	10.2	
2	NN1002	Nguyễn Lan	Anh	10A13	Nữ	02-09-2004	P8	Ngoại ngữ 10	11.0	
3	NN1003	Vũ Thị Trâm	Anh	10A6	Nữ	14-10-2004	P8	Ngoại Ngữ 10	9.8	
4	NN1004	Đỗ Minh	Ánh	10A8	Nam	14-09-2004	P8	Ngoại ngữ 10	7.8	
5	NN1005	Phan Thị Ngọc	Ánh	10A7	Nữ	20-06-2004	P8	Ngoại ngữ 10	7.2	
6	NN1006	Nguyễn Xuân	Bách	10A12	Nam	10-03-2004	P8	Ngoại ngữ 10	13.0	
7	NN1007	Nguyễn Ngọc	Bích	10A8	Nữ	29-11-2004	P8	Ngoại ngữ 10	13.4	
8	NN1008	Đặng Thị	Chinh	10A12	Nữ	11-01-2004	P8	Ngoại ngữ 10	11.8	
9	NN1009	Chu Thị	Duyên	10A12	Nữ	23-06-2004	P8	Ngoại ngữ 10	10.0	
10	NN1010	Phan Nguyễn Hải	Dương	10A5	Nam	13-08-2004	P8	Ngoại ngữ 10	13.8	
11	NN1011	Đỗ Quang	Đại	10A8	Nam	22-10-2004	P8	Ngoại ngữ 10	11.4	
12	NN1012	Nguyễn Minh	Đạt	10A8	Nam	06-09-2004	P8	Ngoại ngữ 10	12.0	
13	NN1013	Vũ Mạnh	Đức	10A10	Nam	04-09-2004	P8	Ngoại ngữ 10	10.2	
14	NN1014	Nguyễn Hương	Giang	10A5	Nữ	15-10-2004	P8	Ngoại ngữ 10	12.2	
15	NN1015	Phùng Thị Hương	Giang	10A12	Nữ	19-08-2004	P8	Ngoại ngữ 10	9.8	
16	NN1016	Nguyễn Bảo	Hà	10A5	Nữ	16-04-2004	P8	Ngoại ngữ 10	14.8	
17	NN1017	Nguyễn Tuấn	Hào	10A5	Nam	19-10-2004	P8	Ngoại ngữ 10	12.0	
18	NN1018	Nguyễn Thị	Hằng	10A5	Nữ	20-10-2004	P8	Ngoại ngữ 10	11.8	
19	NN1019	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10A8	Nữ	25-03-2004	P8	Ngoại ngữ 10	13.4	
20	NN1020	Đỗ Thị Thanh	Hiền	10A8	Nữ	07-01-2004	P8	Ngoại ngữ 10	13.4	
21	NN1021	Kiều Trung	Hiếu	10A8	Nam	29-07-2004	P8	Ngoại ngữ 10	10.6	

T T	SBD	Họ tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi	Điểm	Ghi chú
22	NN1022	Nguyễn Minh	Hiếu	10A1	Nam	25-01-2004	P8	Ngoại ngữ10		
23	NN1023	Phan Thị	Hoa	10A5	Nữ	17-06-2004	P9	Ngoại ngữ10	12.4	
24	NN1024	Nguyễn Thị Mai	Huế	10A5	Nữ	20-07-2004	P9	Ngoại ngữ10	10.0	
25	NN1025	Chu Thị Khánh	Huyền	10A5	Nữ	26-06-2004	P9	Ngoại ngữ10	16.0	
26	NN1026	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10A9	Nữ	01-10-2004	P9	Ngoại ngữ10		
27	NN1027	Nguyễn Đình	Hưng	10A14	Nam	19-04-2004	P9	Ngoại ngữ10	8.2	
28	NN1028	Nguyễn Tiến	Hưng	10A5	Nam	25-05-2004	P9	Ngoại ngữ10	12.0	
29	NN1029	Nguyễn Thị Lan	Hương	10A5	Nữ	02-03-2004	P9	Ngoại ngữ10	12.0	
30	NN1030	Nguyễn Gia	Khiêm	10A5	Nam	02-12-2004	P9	Ngoại ngữ10	16.0	
31	NN1031	Cần Đức	Khôi	10A8	Nam	05-06-2004	P9	Ngoại ngữ10	14.6	
32	NN1032	Lê Minh	Khuê	10A12	Nữ	08-03-2004	P9	Ngoại ngữ10	11.8	
33	NN1033	Nguyễn Hoàng	Khuê	10A12	Nam	20-11-2004	P9	Ngoại ngữ10	12.6	
34	NN1034	Phùng Thị Mai	Lan	10A12	Nữ	08-09-2004	P9	Ngoại ngữ10	11.8	
35	NN1035	Nguyễn Diệu	Linh	10A8	Nữ	20-08-2004	P9	Ngoại ngữ10	14.6	
36	NN1036	Nguyễn Thị Khánh	Linh	10A12	Nữ	05-01-2004	P9	Ngoại ngữ10	17.4	
37	NN1037	Nguyễn Tường Khánh	Linh	10A8	Nữ	16-07-2004	P9	Ngoại ngữ10	10.0	
38	NN1038	Phí Mai	Linh	10A12	Nữ	08-05-2004	P9	Ngoại ngữ10	14.4	
39	NN1039	Nguyễn Thị Bích	Loan	10A6	Nữ	22-09-2004	P9	Ngoại Ngữ10	7.4	
40	NN1040	Cần Thị Kiều	Ly	10A5	Nữ	15-08-2004	P9	Ngoại ngữ10	13.6	
41	NN1041	Nguyễn Thị	Mai	10A9	Nữ	05-02-2004	P9	Ngoại ngữ10	14.4	
42	NN1042	Chu Đức	Mạnh	10A12	Nam	07-10-2004	P9	Ngoại ngữ10	9.0	
43	NN1043	Vũ Thị Nga	Mi	10A5	Nữ	17-02-2004	P9	Ngoại ngữ10	14.6	
44	NN1044	Nguyễn Thị	Mùi	10A6	Nữ	23-12-2004	P9	Ngoại Ngữ10	10.8	
45	NN1045	Nguyễn Thị Linh	Nhi	10A12	Nữ	30-11-2004	P10	Ngoại ngữ10	11.2	
46	NN1046	Phí Trang	Nhung	10A5	Nữ	13-04-2004	P10	Ngoại ngữ10	16.6	
47	NN1047	Lê Thị Tú	Oanh	10A5	Nữ	27-09-2004	P10	Ngoại ngữ10	12.6	
48	NN1048	Nguyễn Thị	Phương	10A5	Nữ	24-10-2004	P10	Ngoại ngữ10	15.0	
49	NN1049	Nguyễn Thị	Phương	10A5	Nữ	26-12-2004	P10	Ngoại ngữ10	10.4	
50	NN1050	Phan Văn	Quân	10A8	Nam	16-02-2004	P10	Ngoại ngữ10	9.0	
51	NN1051	Vũ Như	Quỳnh	10A9	Nữ	05-12-2004	P10	Ngoại ngữ10	13.6	
52	NN1052	Đỗ Hữu	Sáng	10A5	Nam	07-10-2004	P10	Ngoại ngữ10	13.6	
53	NN1053	Nguyễn Thanh	Son	10A14	Nam	22-01-2004	P10	Ngoại ngữ10	13.6	
54	NN1054	Nguyễn Phương	Thanh	10A5	Nữ	11-08-2004	P10	Ngoại ngữ10	13.2	
55	NN1055	Đặng Chí	Thành	10A8	Nam	31-03-2004	P10	Ngoại ngữ10	14.8	
56	NN1056	Đỗ Bích	Thảo	10A6	Nữ	03-01-2004	P10	Ngoại Ngữ10	7.6	
57	NN1057	Phan Mai	Thi	10A5	Nữ	20-04-2004	P10	Ngoại ngữ10	12.4	

T T	SBD	Họ tên		Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi	Môn thi	Điểm	Ghi chú
58	NN1058	Nguyễn Đức	Thuận	10A12	Nam	14-10-2004	P10	Ngoại ngữ10	13.4	
59	NN1059	Nguyễn Xuân	Tính	10A10	Nam	04-06-2004	P10	Ngoại ngữ10		
60	NN1060	Hoàng Huyền	Trang	10A12	Nữ	16-10-2004	P10	Ngoại ngữ10	12.6	
61	NN1061	Kiều Ngọc	Trâm	10A5	Nữ	02-08-2004	P10	Ngoại ngữ10	11.4	
62	NN1062	Phan Thị Phương	Trinh	10A9	Nữ	21-10-2004	P10	Ngoại ngữ10	10.8	
63	NN1063	Phan Văn Anh	Tuấn	10A5	Nam	28-03-2004	P10	Ngoại ngữ10	8.6	
64	NN1064	Phùng Thu	Uyên	10A5	Nữ	06-12-2004	P10	Ngoại ngữ10	10.4	
65	NN1065	Nguyễn Thị Huyền	Vi	10A8	Nữ	23-02-2004	P10	Ngoại ngữ10	10.6	
66	NN1066	Nguyễn Bảo	Yến	10A6	Nữ	31-10-2004	P10	Ngoại Ngữ10	7.2	
67	NN1067	Nguyễn Hữu Tùng	Dương	10A5	Nam	18-09-2004	P10	Ngoại Ngữ10	15.0	
68	NN1068	Nguyễn Thị Phương	Thùy	10A9	Nữ	07-12-2004	P10	Ngoại Ngữ10		
69	NN1069	Vũ Thị Thu	Trang	10A9	Nữ	24-01-2004	P10	Ngoại Ngữ10		
70	NN1070	Vũ Thị	Ngọc	10A9	Nữ	06-12-2004	P10	Ngoại Ngữ10	10.4	
1	ĐL1101	Hoàng Thị Mai	Anh	11A12	Nữ	02-10-2003	P1	Địa11	10.0	
2	ĐL1102	Nguyễn Phùng Thảo	Anh	11A12	Nữ	21-01-2003	P1	Địa11	7.0	
3	ĐL1103	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	11A5	Nữ	16-09-2003	P1	Địa11	6.5	
4	ĐL1104	Chu Mạnh	Huy	11A14	Nam	29-09-2003	P1	Địa11	6.0	
5	ĐL1105	Lê Việt	Hung	11A8	Nam	03-09-2003	P1	Địa11	14.0	
6	ĐL1106	Nguyễn Minh	Khuê	11A9	Nữ	05-09-2003	P1	Địa11	14.0	
7	ĐL1107	Đỗ Diệu	Linh	11A3	Nữ	21-06-2003	P1	Địa11	5.0	
8	ĐL1108	Nguyễn Thị	Loan	11A12	Nữ	07-05-2003	P1	Địa11	10.0	
9	ĐL1109	Kiều Doãn	Minh	11A14	Nam	19-12-2003	P1	Địa11	14.5	
10	ĐL1110	Nguyễn Thị Nguyệt	Mỹ	11A5	Nữ	21-01-2003	P1	Địa11	10.0	
11	ĐL1111	Cần Xuân	Trường	11A9	Nam	29-07-2003	P1	Địa11	9.0	
12	ĐL1112	Đỗ Xuân	Yến	11A5	Nữ	18-09-2003	P1	Địa11	9.0	
13	ĐL1113	Nguyễn Thị	Yến	11A9	Nữ	01-03-2003	P1	Địa11	16.5	
14	ĐL1114	Nguyễn Thị	Yến	11A9	Nữ	02-09-2003	P1	Địa11	9.0	
1	ĐL1001	Nguyễn Thế	Anh	10A7	Nam	26-10-2004	P1	Địa10		
2	ĐL1002	Nguyễn Duy	Khánh	10A13	Nam	13-08-2004	P1	Địa10	7.5	
3	ĐL1003	Đỗ Thị Khánh	Linh	10A5	Nữ	21-03-2004	P1	Địa10	13.0	
4	ĐL1004	Nguyễn Thị	Lương	10A6	Nữ	01-01-2004	P1	Địa10	11.0	
5	ĐL1005	Nguyễn Huyền	Ly	10A7	Nữ	04-09-2004	P1	Địa10	2.0	
6	ĐL1006	Cần Thị Ngọc	Quỳnh	10A5	Nữ	19-12-2004	P1	Địa10	9.0	
7	ĐL1007	Phí Thị Thanh	Thảo	10A1	Nữ	22-11-2004	P1	Địa10	1.0	
8	ĐL1008	Nguyễn Văn	Thái	10A6	Nam	19-10-2004	P1	Địa10	7.0	
9	ĐL1009	Kiều Thị Thanh	Tuyền	10A8	Nữ	21-10-2004	P1	Địa10	7.5	
10	ĐL1010	Kiều Đức	Đạt	10a6	Nam	04-08-2004	P1	Địa10	11.5	